

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẨM SƠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

Đã được kiểm toán



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	5 – 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN	9 – 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 – 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Cẩm Sơn (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm 2025 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Thủy điện Cẩm Sơn (dưới đây viết là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400327532 do Phòng đăng ký kinh doanh và quản lý doanh nghiệp - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 04/09/2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 11/08/2025 do phòng ĐKKD và quản lý doanh nghiệp, Sở tài chính tỉnh Bắc Ninh Cấp.

Tên công ty bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẨM SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CAM SON HYDRO POWER JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CS. JSC

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 10, Xã Lạng Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty: 26.000.000.000 đồng (Hai mươi sáu tỷ đồng)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

- Bà: Nguyễn Thị Tuyền Quốc tịch: Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên

Bà Nguyễn Thị Tuyền
Ông Nguyễn Xuân Bách
Ông Nguyễn Xuân Thắng

Chức vụ

Chủ tịch HĐQT
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Họ và tên

Bà Nguyễn Thị Tuyền
Bà Trần Thị Thu Thủy
Ông Nguyễn Thanh Tùng

Chức vụ

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Họ và tên

Bà Bùi Thị Yến
Ông Nguyễn Văn Dũng
Bà Nguyễn Thị Thúy

Chức vụ

Trưởng ban kiểm soát
Thành viên ban kiểm soát
Thành viên ban kiểm soát

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá DTA đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Cẩm Sơn.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm 2025 của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- ✓ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- ✓ Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ✓ Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- ✓ Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- ✓ Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm 2025.

Bắc Ninh, ngày 02 tháng 6 năm 2026

Giám đốc
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Tuyên
2



DTA Audit

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ DTA

DTA Valuation And Auditing Company Limited

Trụ sở: D4, đường Foresa 8, Khu đô thị Xuân Phương, Phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 6682 99 88 / 0985 19 17 15 Website: dtaaudit.com.vn

Số: 2605180/BCKT-DTA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Về Báo cáo tài chính năm 2025
của Công ty Cổ phần Thủy điện Cẩm Sơn**

**Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẨM SƠN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Cẩm Sơn (sau đây được viết tắt là “Công ty”), được lập ngày 02/6/2026, từ trang 05 đến trang 25, gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bảng cân đối tài khoản và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Văn phòng đại diện Miền Bắc:

☎ 0918 825 775

📍 Số 180 Phạm Văn Đồng, Phường Tứ Minh,
Thành phố Hải Phòng

Văn phòng đại diện Miền Trung:

☎ 0913 450 814

📍 3/145 Điện Biên Phủ, Phường Thuận Hoà
Thành phố Huế

Văn phòng đại diện Miền Nam:

☎ 098 978 8360

📍 Tầng 9, Toà nhà Diamond Plaza, 34 Lê Duẩn,
P. Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Cẩm Sơn tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2026

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ DTA

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Huế

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0756-2025-249-1

Bộ Tài chính Việt Nam cấp

Kiểm toán viên

Nguyễn Đình An

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5638-2023-249-1

Bộ Tài chính Việt Nam cấp

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 Đồng	01/01/2025 Đồng
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	219.075.958	688.757.106
1. Tiền	111		219.075.958	688.757.106
II. Đầu tư tài chính	120	V.2	40.226.075.109	33.228.024.591
1. Chứng khoán kinh doanh	121		5.598.075.109	24.591
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122		10.968.000.000	9.768.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	123		23.660.000.000	23.460.000.000
III. Các khoản phải thu	130	V.3	2.253.788.455	1.933.482.598
1. Phải thu của khách hàng	131		1.882.913.639	1.659.129.857
2. Trả trước cho người bán	132		70.038.000	81.380.880
4. Phải thu khác	134		300.836.816	192.971.861
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản cố định	150	V.4	1.181.576.170	1.587.683.627
- Nguyên giá	151		33.472.611.505	33.472.611.505
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	152		(32.291.035.335)	(31.884.927.878)
VI. Bất động sản đầu tư	160		-	-
VII. Xây dựng cơ bản dở dang	170		-	-
VIII. Tài sản khác	180	V.5	311.039.854	397.203.312
2. Tài sản khác	182		311.039.854	397.203.312
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	200		44.191.555.546	37.835.151.234

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

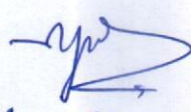
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 Đồng	01/01/2025 Đồng
I. Nợ phải trả	300		10.599.104.744	9.380.328.629
1. Phải trả người bán	311	V.6	663.649.607	539.202.866
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.7	1.751.841.739	1.682.320.776
4. Phải trả người lao động	314		382.865.000	22.700.000
5. Phải trả khác	315	V.8	2.339.448.398	1.459.804.987
6. Vay và nợ thuê tài chính	316	V.9	5.440.000.000	5.655.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319		21.300.000	21.300.000
II. Vốn chủ sở hữu	400	V.10	33.592.450.802	28.454.822.605
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		26.000.000.000	18.323.990.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		7.592.450.802	10.130.832.605
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	500		44.191.555.546	37.835.151.234

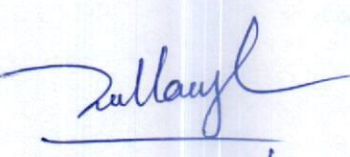
Bắc Ninh, ngày 02 tháng 6 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


 Bùi Thị Yến


 Nguyễn Thúy Hằng



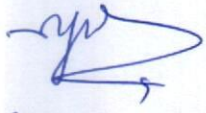
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

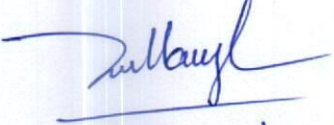
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 Đồng	Năm 2024 Đồng
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	16.435.096.149	13.831.571.725
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		16.435.096.149	13.831.571.725
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	6.471.967.134	5.879.525.583
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.963.129.015	7.952.046.142
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	508.146.889	311.607.595
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.4	462.031.407	198.084.479
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24	VI.5	2.048.701.376	1.822.503.527
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.960.543.121	6.243.065.731
10. Thu nhập khác	31	VI.6	2.405.550	-
11. Chi phí khác	32	VI.7	5.700.000	31.942.612
12. Lợi nhuận khác	40		(3.294.450)	(31.942.612)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.957.248.671	6.211.123.119
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	VI.8	1.353.701.274	1.248.613.146
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.603.547.397	4.962.509.973

Bắc Ninh, ngày 02 tháng 6 năm 2026

Người lập biểu


Bui Thi Yen

Kế toán trưởng


Nguyễn Thuý Hằng

Giám đốc



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Huyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2025

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Lợi nhuận trước thuế	01	7.957.248.671	6.211.123.119
2	Điều chỉnh cho các khoản	02	359.540.842	
	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	03	406.107.457	406.107.433
	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	06	(508.146.889)	(311.607.595)
	Chi phí lãi vay	07	461.580.274	198.084.479
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	09	(6.947.269.390)	6.503.707.436
	Tăng, giảm các khoản phải thu	10	(320.305.857)	93.083.177
	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	326.810.052	269.268.910
	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	90.974.558	(21.422.148)
	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(5.598.050.518)	-
	Tiền lãi vay đã trả	14	(198.084.479)	(179.097.645)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.248.613.146)	(510.755.110)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	1.369.520.123	6.154.784.620
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(10.400.000.000)
3	Tiền chi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(12.850.000.000)	(200.000.000)
4	Tiền thu hồi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	11.450.000.000	6.100.000.000
5	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	508.146.889	118.780.856
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(891.853.111)	(4.381.219.144)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3	Tiền thu từ đi vay	33	485.000.000	1.150.000.000
4	Tiền trả nợ gốc vay và nợ gốc thuê tài chính	35	(700.000.000)	(1.795.000.000)
5	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(732.348.160)	(1.573.869.712)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(947.348.160)	(2.218.869.712)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(469.681.148)	(445.304.236)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	688.757.106	1.134.061.342
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	219.075.958	688.757.106

Người lập biểu

[Signature]
Bùi Thị Yến

Kế toán trưởng

[Signature]
Nguyễn Thụy Hằng

Bắc Ninh, ngày 02 tháng 6 năm 2026

Giám đốc

[Signature]
 Nguyễn Thị Tuyên

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: đồng

Số TK	Tên tài khoản	Đầu kỳ		Phát sinh		Cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
111	Tiền mặt	16.695.658		3.256.545.570	3.271.762.089	1.479.139	
1111	Tiền Việt Nam	16.695.658		3.256.545.570	3.271.762.089	1.479.139	
112	Tiền gửi Ngân hàng	672.061.448		35.137.875.386	35.592.340.015	217.596.819	
1121	Tiền Việt Nam	672.061.448		35.137.875.386	35.592.340.015	217.596.819	
121	Chứng khoán kinh doanh	24.591		5.759.976.831	161.926.313	5.598.075.109	
1211	Chứng khoán công ty CP phát triển điện lực Việt Nam VPD	24.591		5.759.976.831	161.926.313	5.598.075.109	
128	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	9.768.000.000		12.650.000.000	11.450.000.000	10.968.000.000	
1281	Tiền gửi có kỳ hạn	2.300.000.000		8.350.000.000	6.150.000.000	4.500.000.000	
12812	Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TPbank	2.300.000.000		8.350.000.000	6.150.000.000	4.500.000.000	
1288	Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.468.000.000		4.300.000.000	5.300.000.000	6.468.000.000	
131	Phải thu của khách hàng	1.659.129.857		17.749.903.840	17.526.120.058	1.882.913.639	
133	Thuế GTGT được khấu trừ			86.504.433	86.504.433		
1331	Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ			86.504.433	86.504.433		
138	Phải thu khác	192.971.861		300.836.816	192.971.861	300.836.816	
1388	Phải thu khác	192.971.861		300.836.816	192.971.861	300.836.816	
141	Tạm ứng			183.990.000	183.990.000		
211	Tài sản cố định	33.472.611.505				33.472.611.505	
2111	TSCĐ hữu hình	33.472.611.505				33.472.611.505	
214	Hao mòn TSCĐ		31.884.927.878		406.107.457		32.291.035.335
2141	Hao mòn TSCĐ hữu hình		31.884.927.878		406.107.457		32.291.035.335
228	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23.460.000.000		200.000.000		23.660.000.000	
2281	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	23.460.000.000		200.000.000		23.660.000.000	
242	Chi phí trả trước	397.203.312		22.089.999	113.064.557	306.228.754	
331	Phải trả cho người bán	81.380.880	539.202.866	1.555.995.723	1.691.785.344	70.038.000	663.649.607
333	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		1.682.320.776	4.550.809.276	4.615.519.139	4.811.100	1.751.841.739
3331	Thuế giá trị gia tăng phải nộp		305.983.195	1.363.699.432	1.298.231.115		240.514.878
33311	Thuế GTGT đầu ra		305.983.195	1.363.699.432	1.298.231.115		240.514.878

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: đồng

Số TK	Tên tài khoản	Đầu kỳ		Phát sinh		Cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp		1.248.613.146	1.248.613.146	1.353.701.274		1.353.701.274
3335	Thuế thu nhập cá nhân		2.900.000	26.266.584	26.736.584		3.370.000
3336	Thuế tài nguyên		70.061.415	1.474.379.326	1.475.710.678		71.392.767
3337	Thuế nhà đất, tiền thuê đất			12.829.600	8.018.500	4.811.100	
3339	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		54.763.020	425.021.188	453.120.988		82.862.820
334	Phải trả người lao động		22.700.000	2.992.359.847	3.352.524.847		382.865.000
3341	Phải trả người lao động - Lương		22.700.000	2.992.359.847	3.352.524.847		382.865.000
335	Chi phí phải trả		374.084.479	402.084.479	531.580.274		503.580.274
338	Phải trả, phải nộp khác		1.085.720.508	1.071.805.838	1.821.953.454		1.835.868.124
3383	Bảo hiểm xã hội			209.359.170	209.359.170		
3388	Phải trả, phải nộp khác		1.085.720.508	862.446.668	1.612.594.284		1.835.868.124
341	Vay và nợ thuế tài chính		5.655.000.000	700.000.000	485.000.000		5.440.000.000
3411	Các khoản đi vay		5.655.000.000	700.000.000	485.000.000		5.440.000.000
353	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		21.300.000				21.300.000
3532	Quỹ phúc lợi		21.300.000				21.300.000
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		18.323.990.000		7.676.010.000		26.000.000.000
4111	Vốn góp của chủ sở hữu		18.323.990.000		7.676.010.000		26.000.000.000
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.130.832.605	14.104.439.173	11.566.057.370		7.592.450.802
4211	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước		5.168.322.632	9.141.929.200	4.962.509.973		988.903.405
4212	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		4.962.509.973	4.962.509.973	6.603.547.397		6.603.547.397
511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			16.435.096.149	16.435.096.149		
5111	Doanh thu bán hàng hóa			16.435.096.149	16.435.096.149		
515	Doanh thu hoạt động tài chính			508.146.889	508.146.889		
632	Giá vốn hàng bán			6.474.372.684	6.474.372.684		
635	Chi phí tài chính			462.031.407	462.031.407		
642	Chi phí quản lý kinh doanh			2.048.701.376	2.048.701.376		
6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp			2.048.701.376	2.048.701.376		

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Số TK	Tên tài khoản	Đầu kỳ		Phát sinh		Cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
711	Thu nhập khác			2.405.550	2.405.550		
811	Chi phí khác			5.700.000	5.700.000		
821	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			1.353.701.274	1.353.701.274		
911	Xác định kết quả kinh doanh			16.945.648.588	16.945.648.588		
Cộng		69.720.079.112	69.720.079.112	144.961.021.128	144.961.021.128	76.482.590.881	76.482.590.881

Đơn vị tính: đồng

Bắc Ninh, ngày 02 tháng 6 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bui Thi Yess

Nguyễn Thụy Hằng



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Huyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Cẩm Sơn (dưới đây viết là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400327532 do Phòng đăng ký kinh doanh và quản lý doanh nghiệp - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 04/09/2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 11/08/2025 do phòng ĐKKD và quản lý doanh nghiệp, Sở tài chính tỉnh Bắc Ninh Cấp.

Tên công ty bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẨM SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CAM SON HYDRO POWER JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CS. JSC

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 10, Xã Lạng Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty: **26.000.000.000 đồng** (Hai mươi sáu tỷ đồng).

Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

- Bà: Nguyễn Thị Tuyền Quốc tịch: Việt Nam

2. Ngành nghề kinh doanh

- Các hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất điện

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (Đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp vừa và nhỏ được ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 8 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp vừa và nhỏ được ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 8 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản đầu tư tài chính**a/ Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

b/ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c/ Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

d/ Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

e/ Góp vốn liên doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

f/ Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư, được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại Công ty”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

3. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ khả thu khó đòi căn cứ quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

kho, tồn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

4. Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư**a) TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong quá trình sử dụng các chi phí nâng cấp, cải tạo, sửa chữa duy tu sẽ được ghi tăng nguyên giá, hoặc ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh tùy thuộc vào hiệu quả mà các chi phí này mang lại cho TSCĐ đó theo đúng hướng dẫn về chế độ quản lý và sử dụng TSCĐ hiện hành.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Số phải khấu hao tính theo nguyên giá (hoặc bằng nguyên giá trừ đi chi phí khi thanh lý). Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

b) Nguyên tắc kế toán TSCĐ thuê tài chính:

Hợp đồng thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Tài sản cố định thuê tài chính được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản và giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, thuê nhà và các khoản chi phí trả trước khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

6. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước; Việc ghi nhận chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ;
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

8. Vốn chủ sở hữu***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các thành viên.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, được tính ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ theo nguyên tắc thận trọng.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay; lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện; các khoản chi phí đầu tư tài chính khác. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Thuế thu nhập Doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập Doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế thu nhập Doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Việc xác định Thuế thu nhập Doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, việc xác định số thuế sau cùng về Thuế thu nhập Doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025	01/01/2025
	<u>Đồng</u>	<u>Đồng</u>
Tiền mặt tại quỹ	1.479.139	16.695.658
Tiền gửi ngân hàng	217.596.819	672.061.448
Tiền Việt Nam	217.596.819	672.061.448
Tiền Việt Nam tại ngân hàng SHB	2.274.442	2.536.013
Tiền Việt Nam tại ngân hàng Vietinbank	1.421.244	1.421.244
Tiền Việt Nam tại công ty CP chứng khoán FPT	3.324.931	1.604.558
Tiền Việt Nam tại Ngân hàng TPBank CN Tây Hà Nội	210.576.202	666.499.633
Tổng	219.075.958	688.757.106

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẨM SƠN

Địa chỉ: Thôn 10, Xã Lạng Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***2. Các khoản đầu tư tài chính**

	31/12/2025	01/01/2025
	Đồng	Đồng
Chứng khoán kinh doanh	5.598.075.109	24.591
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.968.000.000	9.768.000.000
- Tiền gửi tiết kiệm	4.500.000.000	2.300.000.000
- Cho Công ty CP Thủy điện Kê Gổ vay	6.468.000.000	7.468.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23.660.000.000	23.460.000.000
- Đầu tư vào Công ty CP Thủy điện Kê Gổ	23.660.000.000	23.460.000.000
Tổng	40.226.075.109	33.228.024.591

3. Các khoản phải thu**3.1) Phải thu khách hàng**

	31/12/2025	01/01/2025
	Đồng	Đồng
Tổng công ty điện lực Miền Bắc	1.882.913.639	1.659.129.857
Tổng	1.882.913.639	1.659.129.857

3.2) Trả trước cho người bán

	31/12/2025	01/01/2025
	Đồng	Đồng
Ông Nguyễn Thanh Tùng	-	17.876.880
Công ty CP Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn	63.504.000	63.504.000
Công ty TNHH thiết bị Tân An Phát	6.534.000	-
Tổng	70.038.000	81.380.880

3.3) Phải thu khác

	31/12/2025	01/01/2025
	Đồng	Đồng
Phải thu khác	300.836.816	192.971.861
Tổng	300.836.816	192.971.861

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4. Tài sản khác**

	31/12/2025	01/01/2025
	Đồng	Đồng
Chi phí trả trước	306.228.754	397.203.312
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	306.228.754	397.203.312
Các khoản phải thu Nhà nước (*)	4.811.100	-
Tổng	311.039.854	397.203.312

(*) Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-LSO ngày 15/7/2025 của Chi cục thuế tỉnh Lạng Sơn về việc giảm tiền thuê đất của năm 2024 số tiền: 2.405.550 VNĐ; Quyết định số 621/QĐ-LSO ngày 20/10/2025 của Chi cục thuế Tỉnh Lạng Sơn về việc giảm tiền thuê đất của năm 2025 số tiền: 2.405.550 VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. Tài sản cố định

Đơn vị tính: VND					Cộng
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn		
Nguyên giá TSCĐ					
Tại ngày đầu năm	4.646.585.524	27.553.280.526	1.272.745.455		33.472.611.505
Tăng trong năm	-	-	-		-
Giảm trong năm	-	-	-		-
Tại ngày cuối năm	4.646.585.524	27.553.280.526	1.272.745.455		33.472.611.505
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày đầu năm	3.288.703.172	27.553.280.526	1.042.944.180		31.884.927.878
Tăng trong năm	193.983.193	-	212.124.264		406.107.457
Giảm trong năm	-	-	-		-
Tại ngày cuối năm	3.482.686.365	27.553.280.526	1.255.068.444		32.291.035.335
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.357.882.352	-	229.801.275		1.587.683.627
Tại ngày cuối năm	1.163.899.159	-	17.677.011		1.181.576.170

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẨM SƠN

Địa chỉ: Thôn 10, Xã Lạng Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Phải trả người bán

	31/12/2025	01/01/2025
	Đồng	Đồng
Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Sông Thương	491.832.808	537.335.537
Công ty CP sản xuất và may mặc bảo hộ lao động Bảo Minh	9.201.600	-
Công ty điện lực Lạng Sơn_Điện lực Chi Lăng	1.271.206	1.463.322
Công ty TNHH giải pháp và dịch vụ Newway	160.765.560	-
Viettel Hà Nội - CN Tập đoàn Viễn thông Quân đội	375.732	404.007
Tổng công ty CP bưu chính Viettel	202.701	-
Tổng	663.649.607	539.202.866

7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2025	01/01/2025
	Đồng	Đồng
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	240.514.878	305.983.195
- Thuế GTGT đầu ra	240.514.878	305.983.195
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.353.701.274	1.248.613.146
Thuế thu nhập cá nhân	3.370.000	2.900.000
Thuế tài nguyên	71.392.767	70.061.415
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	82.862.820	54.763.020
Tổng	1.751.841.739	1.682.320.776

8. Phải trả khác

	31/12/2025	01/01/2025
	Đồng	Đồng
Chi phí phải trả	503.580.274	374.084.479
Cổ tức phải trả cổ đông	1.696.393.040	962.822.000
Phải trả, phải nộp khác	139.475.084	122.898.508
Tổng	2.339.448.398	1.459.804.987

9. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2025		01/01/2025	
	Đồng		Đồng	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản đi vay	5.440.000.000	5.440.000.000	5.655.000.000	5.655.000.000
Tổng	5.440.000.000	5.440.000.000	5.655.000.000	5.655.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu
10.1) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị: Đồng	
					Cộng	
Tại ngày 01/01/2024	26.153.150.000	(3.537.500.000)	(10.551.365.000)	12.604.797.632	24.669.082.632	
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	4.962.509.973	4.962.509.973	
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	(1.176.770.000)	(1.176.770.000)	
Thay đổi vốn năm trước	(7.829.160.000)	3.537.500.000	10.551.365.000	(6.259.705.000)	-	
Tại ngày 31/12/2024	18.323.990.000	-	-	10.130.832.605	28.454.822.605	
Tại ngày 01/01/2025	18.323.990.000	-	-	10.130.832.605	28.454.822.605	
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	6.603.547.397	6.603.547.397	
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-	-	(9.141.929.200)	(9.141.929.200)	
Thay đổi vốn năm nay	7.676.010.000				7.676.010.000	
Tại ngày 31/12/2025	26.000.000.000	-	-	7.592.450.802	33.592.450.802	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm
	%	VND	%	VND
Cổ đông pháp nhân	90,77%	23.601.140.000	90,77%	16.633.400.000
Cổ đông thể nhân	9,23%	2.398.860.000	9,23%	1.690.590.000
Tổng	100%	26.000.000.000	100%	18.323.990.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025	Năm 2024
	Đồng	Đồng
Doanh thu bán điện thương phẩm	16.435.096.149	13.831.571.725
Tổng	16.435.096.149	13.831.571.725

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025	Năm 2024
	Đồng	Đồng
Giá vốn bán hàng	6.474.372.684	5.879.525.583
Tổng	6.474.372.684	5.879.525.583

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	Đồng	Đồng
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	508.146.889	311.607.595
Tổng	508.146.889	311.607.595

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	Đồng	Đồng
Chi phí tài chính	462.031.407	198.084.479
Tổng	462.031.407	198.084.479

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***5. Chi phí quản lý kinh doanh**

	Năm 2025	Năm 2024
	Đồng	Đồng
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.048.701.376	1.822.503.527

6. Thu nhập khác

	Năm 2025	Năm 2024
	Đồng	Đồng
Thu nhập khác (*)	2.405.550	-
Tổng	2.405.550	-

(*) Quyết định số 100/QĐ-LSO ngày 15/7/2025 về việc giảm tiền thuê đất của năm 2024 số tiền: 2.405.550 đồng.

7. Chi phí khác

	Năm 2025	Năm 2024
	Đồng	Đồng
Chi phí khác	5.700.000	31.942.612
Tổng	5.700.000	31.942.612

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2025	Năm 2024
	Đồng	Đồng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.957.248.671	6.211.123.119
Các khoản điều chỉnh tăng	5.700.000	31.942.612
- Các khoản chi phí không được trừ	5.700.000	31.942.612
Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận tính thuế	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	7.962.948.671	6.243.065.731
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.353.701.274	1.248.613.146
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.353.701.274	1.248.613.146

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 mà chưa được thuyết minh rõ tại Báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Cẩm Sơn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán ACCA Việt Nam.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

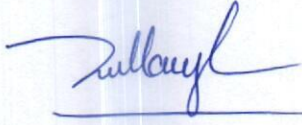
Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Bắc Ninh, ngày 02 tháng 6 năm 2026

Người lập biểu


Bùi Thị Yến

Kế toán trưởng


Nguyễn Thủy Hằng

Giám đốc



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Huyền